

BẢNG TÀI CHÍNH CÔNG KHAI

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

Số phiếu: 108613

Đơn vị tính: Đồng Số suất ăn: 238 Từ 18-24 tháng: 0 Từ 24-36 tháng: Trên 36 tháng: 160

STT	Tên hàng hoá	Mã hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước rửa bát	NRB	Kg	0.90	34,200	30,780
2	Đường kính	DK	Kg	0.20	30,000	6,000
3	Đậu xanh bóc vỏ	DXBV	Kg	0.80	48,000	38,400
4	Gạo tẻ	GT	Kg	23.30	18,500	431,050
5	Muối hạt	MU	Kg	0.53	10,000	5,300
6	Nước mắm nhì Châu Thủy	NMNST	Kg	0.15	100,000	15,000
7	Bột chiên giòn	BCG	Kg	2.00	80,000	160,000
8	Muối BC Hà Nội 400g	MBCHN	Kg	0.75	45,000	33,750
9	Vùng hạt	VH	Kg	0.40	167,500	67,000
Hàng kho						787,280
10	Rau mùi ta	RMTA	Kg	0.10	55,000	5,500
11	Thịt bò thăn	TBT	Kg	7.50	280,000	2,100,000
12	Khoai lang	KL	Kg	8.50	42,000	357,000
13	Thịt lợn mỡ (Thịt mỡ heo)	TLM	Kg	4.20	85,000	357,000
14	Gừng tươi	GTUOI	Kg	0.10	37,000	3,700
15	Xương ống lợn + khuy	XOK	Kg	13.80	58,000	800,400
16	Thịt nạc vai	TNV	Kg	3.00	155,000	465,000
17	Nước cốt dừa	ND	Kg	2.00	35,000	70,000
18	Hành khô	HK	Kg	0.10	35,000	3,500
19	Cà chua	CCH	Kg	4.20	15,000	63,000
20	Cà rốt	CR	Kg	1.80	25,000	45,000
21	Bí xanh	BX	Kg	6.60	25,000	165,000
22	Hành hoa (Hành lá)	HH	Kg	0.20	45,000	9,000
23	Tỏi khô	TKO	Kg	0.10	49,000	4,900
Hàng chợ						4,449,000
Phụ phí						0
Tổng cộng						5,236,280
Bằng chữ						Năm triệu, hai trăm, ba mươi, sáu ngàn, hai trăm, tám mươi đồng.

* Quyết toán tiền ăn trong ngày:

Hôm trước mang sang: 1,318
Tiêu chuẩn được chi: 5,236,000
Tiền hỗ trợ bữa ăn trong ngày: 0
Đã chi: 5,236,280
Thừa (thiếu): 1,038

